

XUNG ĐỘT ĐẠI VIỆT - CHIÊM THÀNH TRONG NỬA CUỐI THẾ KỶ XIV (1360 - 1390)

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI

Nửa cuối thế kỷ XIV, quốc gia Đại Việt rơi vào khủng hoảng trầm trọng, kinh tế suy kiệt, khiến cho vương quốc Chiêm Thành phía Nam không còn thần phục. Sau khi Chế Bồng Nga lên ngôi vua (1360) Chiêm Thành liên tục tấn công Đại Việt nhằm giành lại những vùng đất đã mất trước đó. Đến 1390, Chế Bồng Nga tử trận thì xung đột giữa Đại Việt và Chiêm Thành mới chấm dứt. Bài viết tìm hiểu xung đột giữa hai nước Đại Việt và Chiêm Thành trong khoảng thời gian từ năm 1360 cho đến 1390 để thấy độc lập dân tộc luôn gắn liền với việc củng cố, xây dựng quốc phòng. Đất nước suy yếu là nguy cơ xâm lược của nước ngoài. Điều này vẫn có giá trị thực tiễn đến ngày nay.

1. BỐI CẢNH VÀ NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN CUỘC XUNG ĐỘT ĐẠI VIỆT - CHIÊM THÀNH

Chiêm Thành là tên cũ thường dùng để chỉ vương quốc nằm ở phía Nam Đại Việt (thuộc miền Trung Việt Nam ngày nay). Chiêm Thành còn có những tên gọi khác là Champa, Chiêm. Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, nước nhỏ thường thần phục nước lớn hơn, nên trong mối quan hệ với Đại Việt, Chiêm Thành chịu sự thần phục Đại Việt và thường mang sản vật tiến cống.

Khi triều Trần mới được thiết lập, mặc dù Chiêm Thành vẫn thần phục Đại Việt, nhưng lại vẫn đưa quân sang cướp phá, đòi lại đất cũ đã mất từ thời Lý. Điều đó khiến cho vị vua đầu triều Trần là Trần Thái Tông rất tức giận. Năm Nhâm Tý (1252) vua tự làm tướng cầm quân tiến đánh Chiêm Thành và giành thắng lợi. Từ đó, những cuộc gây rối của Chiêm Thành đã nhường chỗ cho những chuyến triều cống thường xuyên.

Nửa cuối thế kỷ XIII đến nửa đầu thế kỷ XIV, sử cũ ghi chép khá nhiều sự kiện tiến cống của Chiêm Thành. Niên đại đầu tiên chép việc tiến cống của

Nguyễn Thị Phương Chi. Phó Giáo sư tiến sĩ. Viện Sử học.

Chiêm Thành là năm 1242, niên đại sau cùng là năm 1352. Tất cả 15 lần⁽¹⁾. Đó là thời kỳ hữu hảo trong quan hệ giữa Đại Việt và Chiêm Thành ở nửa đầu triều Trần.

Nhưng sự thần phục của Chiêm Thành đối với Đại Việt chỉ khi triều Trần đang mạnh, nhất là sau ba lần đánh thắng quân xâm lược Mông - Nguyên. Bắt đầu từ giữa thế kỷ XIV, Chiêm Thành sao nhãng việc tiến cống. Vua Trần bèn sai sứ sang hỏi tội: “Tháng 2 (1346), sai Phạm Nguyên Hằng sang sứ Chiêm Thành, trách hỏi về việc thiếu lễ triều cống hàng năm”. Trước sự trách hỏi của Đại Việt, ngay tháng 10 năm đó “Chiêm Thành sai sứ sang cống, lễ vật rất ít” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 151). Đây là dấu hiệu Champa không còn chịu thần phục.

Mặc dù không mặn mà trong quan hệ với Đại Việt, nhưng lúc cần cầu viện thì Chiêm Thành vẫn sang nhờ cậy: “Tháng 3 năm 1352, Chế Mỗ nước Chiêm Thành chạy sang nước ta, dâng voi trắng, ngựa trắng mỗi thứ một con, một con kiến lớn (dài 1 thước 9 tấc) và các cống vật, xin nước ta đem quân đánh Trà Hòa Bồ Đề mà lập y làm quốc vương. Trước kia khi vua Chiêm Thành là Chế A Nan còn sống thì con là Chế Mỗ làm Bồ đề (tức Đại vương); con rể là Trà Hòa Bồ Đề làm Bồ đề (tức Tể tướng), nói gì cũng nghe, bàn gì cũng theo, vì thế mới lập bè đảng với Chế Mỗ. Chế Mỗ có khi bị vua quở trách, Bồ Đề thường cứu giải cho. Người trong nước thấy thế chia lòng, không

chuyên theo về Chế Mỗ. Đến khi A Nan chết, Bồ Đề đuổi Chế Mỗ đi mà tự lập làm vua. Thế mới biết kẻ làm tôi mà lập bè đảng tất có mưu khác mà Chế Mỗ không biết là mình bị sa vào thuật của họ” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 154).

Nhận lời giúp Chế Mỗ (tháng 3/1352), nhà vua xuống chiếu ra lệnh “cho các vương hầu đóng chiến thuyền, chế khí giới, luyện tập binh sĩ” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 154). Đến tháng 6 cùng năm, đem đại quân đánh Chiêm Thành, để đưa Chế Mỗ về nước. Tuy nhiên, việc tiến đánh không thành do đoàn quân chuyển lương bị quân Chiêm ngăn chặn. Chế Mỗ ở lại Đại Việt một thời gian rồi từ trần. Ba tháng sau, vào tháng 9/1352, Chiêm Thành đem quân đến cướp châu Hóa. Quân Đại Việt đánh đuổi nhưng bị thua. Nhà Trần cử Trương Hán Siêu quản lĩnh quân Thần Sách tiến đến trấn giữ châu Hóa và ổn định được tình hình ở đó. Sau đó, Trương Hán Siêu về lại triều đình.

Về phía Chiêm Thành, năm 1360, Trà Hòa Bồ Đề từ trần, em là Chế Bồng Nga lên thay. Chế Bồng Nga là vị vua thứ 3 của vương triều thứ 12 (tức là vị vua đời thứ 39) của nhà nước Chiêm Thành. Trong thời kỳ ông cầm quyền, nhà nước Chiêm Thành được củng cố và xây dựng hùng mạnh. Vì vậy Chiêm Thành càng bất tuân phục Đại Việt. Biên giới phía Nam chỉ ổn định được một thời gian, quân Chiêm lại liên tục tấn công Đại Việt. Lúc đầu chỉ nhằm vào địa bàn gần biên giới như Dĩ Lý, châu Hóa. Sau, tấn công vào

tận kinh thành Thăng Long. Từ năm 1360 cho đến năm 1390, trong thời gian trị vì của Chế Bồng Nga quan hệ giữa hai nước là những cuộc chiến tương tàn.

Sở dĩ Chiêm Thành có thể dám gây xung đột, không phải chỉ vì Chiêm Thành mạnh lên, mà còn vì những thập niên cuối thế kỷ XIV, tình hình Đại Việt có nhiều biến động. Kinh tế trong nước sa sút dẫn đến khủng hoảng xã hội. Từ năm 1343 trở đi, triều đình phải lo lắng, dồn sức vào dẹp nạn trộm cướp và các cuộc nổi dậy của dân chúng. Nếu như trong khoảng 118 năm (1225 - 1343) đầu triều Trần, chỉ có một cuộc làm phản của Trịnh Giác Mật ở đạo Đà Giang (1280), thì trong vòng 57 năm tiếp theo (1343 - 1400) đã có tới 8 cuộc nổi dậy của dân mà sử chép là giặc cướp. Trong thời gian trị vì của vua Trần Dụ Tông (1341 - 1369), các cuộc nổi dậy xảy ra nhiều hơn cả (4 vụ), vào các năm 1343, 1344, 1351, 1354, điển hình là cuộc nổi dậy của Ngô Bệ ở núi Yên Phụ (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh) kéo dài từ 1344 - 1360. “Bấy giờ (1354) vì đói kém, nhân dân gian khổ về giặc cướp” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 156).

Địa bàn xảy ra 8 cuộc nổi dậy trải rộng trên nhiều nơi: Giáp Sơn (Hải Dương), Lạng Giang, Nam Sách, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Thanh Hóa (2 cuộc), Quốc Oai thượng và các xứ Lập Thạch, Đáy Giang, Đà Giang, Tân Viên, Lịch Sơn ở địa phận huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang ngày nay

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 323).

Chiến sự càng căng thẳng thì kinh tế của quốc gia càng khủng hoảng trầm trọng. Nhân dân đói kém, quốc khố trống rỗng, kho tàng kiệt sạch. Triều đình không còn khả năng chẩn cấp thóc gạo cho dân. Nhiều lần Nhà nước phải ra chiếu kêu gọi các nhà giàu cấp thóc, phát chẩn cứu đói cho dân nghèo, bán thóc gạo với giá phải chăng cho dân hoặc cho nhà nước, hoặc nộp thóc vào kho để cung cấp cho quân đội. Đổi lại, Nhà nước sẽ thường chức tước cho những người nào thực hiện lệnh trên⁽²⁾.

2. CÁC CUỘC XUNG ĐỘT ĐẠI VIỆT - CHIÊM THÀNH

Nhân lúc Đại Việt suy yếu, Chiêm Thành dưới sự lãnh đạo của vua Chế Bồng Nga đã liên tục đem quân tiến đánh, nhiều sự kiện đã được ghi chép trong sử cũ.

Tháng 3/1361, quân Chiêm Thành theo đường biển đến cướp ở cửa biển Dĩ Lý (cửa Lý Hòa, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình), nhưng bị quân nhà Trần và dân sở tại đánh tan. Ngay sau đó, nhà Trần cử Phạm A Song làm tri phủ vào cai quản Lâm Bình (tức Dĩ Lý), nhằm tăng cường kiểm soát hơn nữa vùng cửa biển này.

Tháng 3/1362, người Chiêm Thành cướp của bắt người ở châu Hóa. Cũng giống như ở Dĩ Lý, ngay sau đó (tháng 4 cùng năm) nhà Trần cử Đỗ Tử Bình đi tuyển thêm quân ở châu Hóa và tăng cường sửa chữa, tu bổ thành Hóa châu cho vững chắc (Ngô

Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 164-165).

Năm 1365, Chiêm Thành lại tấn công Đại Việt: “Mùa Xuân, tháng Giêng, người Chiêm Thành đến bắt dân ở châu Hóa. Hằng năm cứ đến mùa Xuân tháng Giêng, con trai con gái họp nhau đánh đu ở Bà Dương. Người Chiêm khoảng tháng 12 năm trước, nấp sẵn ở nơi đầu nguồn của châu Hóa, đến khi ấy úp đến cướp bắt lấy người đem về” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 166-167).

Tháng 3/1366, người Chiêm Thành đến cướp phủ Lâm Bình nhưng bị quân của quan phủ nhà Trần là Phạm A Song đánh bại. Sau đó, nhà Trần đã thăng chức cho Phạm A Song làm Đại tri phủ Lâm Bình hành quân thủ ngữ sứ (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 168).

Năm 1367, nhà Trần cử Minh tự Trần Thế Hưng làm Thống quân hành khiển, Đỗ Tử Bình làm phó, đi đánh Chiêm Thành, nhưng khi đi đến Chiêm Động thì bị người Chiêm tấn công bất ngờ, quân Đại Việt tan vỡ. Trần Thế Hưng bị quân Chiêm bắt, Đỗ Tử Bình thấy thế không địch nổi, rút quân về.

Tháng 2/1368, Chiêm Thành sai Mục Bà Ma sang đòi lại đất Hóa châu.

Lúc này nhà Minh vừa thay thế nhà Nguyên ở Trung Quốc. Năm Hồng Vũ thứ 2, triều Minh Thái Tổ (1369), Chế Bồng Nga sai sứ sang Minh dâng lễ vật, xin được công nhận hợp pháp là vua Chiêm Thành và được nhà Minh chấp thuận.

Năm 1371, Chế Bồng Nga dựa vào uy thế của nhà Minh mở cuộc tấn công qui mô vào Đại Việt, tiến vào tận Thăng Long. Sử chép: “Tháng 3 nhuận (1371), người Chiêm Thành sang cướp từ cửa biển Đại An tiến thẳng đến kinh sư. Du binh của giặc đến bến Thái Tổ (nay là phường Phục Cổ). Vua đi thuyền sang sông Đông Ngàn⁽³⁾ để tránh. Ngày 27, quân giặc vào thành, đốt phá cung điện, cướp lấy con gái, ngọc lụa đem về. Chiêm Thành sợ dĩ đến cướp là vì mẹ của Nhật Lễ⁽⁴⁾ chạy trốn sang nước ấy, xui giục sang cướp để báo thù cho Nhật Lễ... Giặc đốt cung điện đồ thư trụi cả...” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 179).

Sau khi tấn công Đại Việt, Chế Bồng Nga còn sai bày tội sang nước Minh dâng biểu, vu cáo Đại Việt xâm nhiễu bờ cõi, giết bắt quan lại và nhân dân Chiêm Thành. Nội dung tờ biểu có đoạn: “Duy việc An Nam dùng binh xâm nhiễu bờ cõi, giết bắt quan lại nhân dân, nguyện được bệ hạ nghĩ đến ban cho binh khí, nhạc khí, chuyên viên về âm nhạc; khiến An Nam biết Chiêm Thành được trang bị thanh giáo, là nước triều cống Trung Quốc, thì An Nam không dám khinh thường” (*Minh thực lục quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV - XVII*, 2010, tr. 141-142).

Để trấn áp Chiêm Thành, nhà Trần tích cực chuẩn bị lực lượng. Năm 1372, nhà Trần phong Đỗ Tử Bình làm Hành khiển tham mưu quân sự, chịu trách nhiệm sửa soạn binh lương. Bổ nhiệm người châu Hóa là Hồ Long

làm Tri châu châu Hóa nhằm thu phục nhân dân trong châu.

Ở phía Nam, triều đình cho xây mới và nạo vét đường sá, sông ngòi nhằm đảm bảo cho việc chuyển quân bằng đường thủy. Triều đình lệnh cho các nhà giàu phải cung cấp lương thực và sẽ được trả bằng tước vị. Các địa phương phía Nam lập các kho dự trữ lương thực và vũ khí cung cấp cho quân đội. “Tháng 8 năm Bính Thìn (1376), xuống chiếu cho quân dân Thanh Hóa, Nghệ An, Diễn Châu tải 5 vạn斛 lương đến châu Hóa” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 186).

Cuối năm 1376, vua Trần Duệ Tông thân chinh tiến đánh Chiêm Thành, nhưng bị trúng kế của Chế Bồng Nga, nhà vua chết trận, quân Đại Việt thất bại nặng nề.

Năm 1377 (ngày 6/11), nhân lúc quân Đại Việt bị thua, Chế Bồng Nga kéo quân ra Thăng Long, nhưng chỉ ở lại vài ngày rồi dẫn quân về: “Đầu tiên, Thượng hoàng nghe tin có giặc đến, sai Trấn quốc tướng quân là Cung chính vương Sư Hiền giữ cửa biển Đại An. Giặc biết là có phòng bị, mới do cửa biển Thiên Phù tiến vào thẳng đến Kinh sư. Ngày 12 giặc lại dẫn quân về, ra cửa biển Đại An, bị bão chết đuối rất nhiều” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 188).

Năm sau, tháng 5/1378, Chế Bồng Nga lại tổ chức tấn công Kinh đô Đại Việt lần thứ ba. Lúc này, có lẽ quân Chế Bồng Nga đã chiếm lại được những vùng đất trước đây đã dâng

cho Đại Việt. Tháng 6, quân Chiêm Thành đánh vào sông Đại Hoàng, vua sai hành khiển Đỗ Tử Bình chống giữ nhưng không giữ nổi. Quân Chiêm tiến đánh Kinh sư, bắt người, cướp của về nước. Trong trận này, Lê Giác bị quân Chiêm bắt, “giặc bức Giác phải lạy, Giác nói: ‘ta là quan của nước lớn, sao lại lạy mày!’ Giặc giận giết chết. Giác chửi giặc luôn mồm không thôi. Việc tâu lên, truy phong Giác làm Mạ tặc Trung vũ hầu, cho con là Nhuế làm Chánh chưởng bốn cục Cận thị chi hậu. Giác là con của cố nhập nội hành khiển thượng thư hữu bật Lê Quát” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 191).

Năm 1380, quân binh của Chế Bồng Nga tấn công cướp phá bờ biển Nghệ An và Thanh Hóa. Vua Trần Nghệ Tông sai Hồ Quý Ly đem thủy binh ngăn chặn, Đỗ Tử Bình quản lĩnh bộ binh và giữ Ngu Giang, huyện Hoằng Hóa (Thanh Hóa). Quân thủy của Hồ Quý Ly đánh đuổi được quân Chiêm.

Lúc này, binh lực nhà Trần sa sút, vua phải điều động cả các nhà sư làm lính đi đánh Chiêm Thành: “tháng 3 năm 1381, sai Thiên sư (không rõ tên) ở Đại Than⁽⁵⁾ đem các nhà sư đi đánh Chiêm Thành. Chiêm Thành thường sang xâm lấn, quấy nhiễu, binh lực của nhà Trần bấy giờ mỗi mệ, kiệt quệ. Nhà vua bèn sai thiên sư Đại Than lựa lấy những người khỏe mạnh trong các nhà sư trong nước và những nhà sư ở rừng núi không có độ điệp tạm làm lính để đi đánh giặc (tức Chiêm Thành - NTPC

chú)” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, tr. 665).

Năm 1383, quân Đại Việt do Hồ Quý Ly chỉ huy tấn công Chiêm Thành nhưng giữa đường gặp bão, thuyền chiến phần nhiều bị đắm nên phải quay về.

Tháng 5 năm Quý Hợi (1383), Chế Bồng Nga cùng tướng La Khải đem quân tấn công Đại Việt. Quân Chiêm tiến đến Quảng Oai. Tướng Mật Ôn được lệnh đem binh ngăn chặn nhưng bị quân Chiêm bắt sống. Thượng hoàng phải lánh sang Đông Ngàn. Tướng Nguyễn Đa Phương ở lại giữ Thăng Long. Quân Chế Bồng Nga cuối cùng chiếm được Thăng Long và ở đó nhiều tháng⁽⁶⁾.

Tháng 10/1389, quân Chiêm Thành tiến đánh Đại Việt ở hương Cổ Vô - Thanh Hóa. Trận này, quân nhà Trần do Hồ Quý Ly chỉ huy bị trúng kế mai phục của quân Chiêm Thành: “Giặc (quân Chiêm Thành - NTPC chú) đắp ngăn dòng sông ở thượng lưu, quan quân đóng nhiều cọc để đối địch. Ngày 20, giặc mai phục, quân và voi giả bỏ trại mà về. Quý Ly chọn những quân tinh khỏe gọi là quân cảm tử, đuổi theo để đánh. Quân thủy nhỏ cọc ra đánh. Giặc bèn phá đập chắn nước, cho voi xông ra. Bấy giờ quân tinh khỏe đã đi xa rồi, quân thủy không thể ngược dòng tiến được, vì thế bị thua. Tướng coi quân Hữu Thánh Dực là Nguyễn Chí (có sách chép là Trần Đình Quý) bị giặc bắt được; còn các quân tướng khác 70 người đều chết. Quý Ly để tỳ tướng là Phạm Khả Vĩnh ở lại cầm cự với giặc, còn mình thì

trốn về. Nguyễn Đa Phương tạm coi quân Thánh Dực. Đêm ấy Đa Phương bàn nhau với Khả Vĩnh rằng: Thế giặc như thế, bọn ta thế cô, khó lòng cầm cự được lâu; nếu muốn rút quân về, thì giặc tất thừa cơ đuổi theo. Bèn hạ lệnh cho các quân giăng nhiều cờ xí, buộc thuyền lớn vào cọc, sai người canh giữ, rồi lấy thuyền nhẹ trốn đi ban đêm. Quý Ly về đến kinh sư, xin phái thêm thuyền chiến Châu Kiều, Thượng hoàng không cho. Quý Ly vì thế xin giải quyền cầm quân, không đi đánh nữa” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 205).

Tháng 11/1389, Thượng hoàng sai Trần Khát Chân làm tướng chỉ huy quân Long Tiệp đi đánh Chiêm Thành. Quân đi từ sông Lô đến sông Hoàng thì gặp quân Chiêm Thành. Thấy địa thế bất lợi cho trận đánh, Trần Khát Chân lui về giữ sông Hải Triều (tức sông Luộc)⁽⁷⁾.

Năm 1390, tháng Giêng, ngày 23, quân Đại Việt dưới sự chỉ huy của Trần Khát Chân tấn công Chế Bồng Nga trên sông Hải Triều. Một tiểu thần của Chế Bồng Nga do bị chủ trách phạt đã đầu hàng quân Đại Việt⁽⁸⁾ và chỉ điểm thuyền của Chế Bồng Nga. Quân Đại Việt ra sức bắn súng vào thuyền của quốc vương Chiêm Thành. Chế Bồng Nga trúng đạn chết. Quân Chiêm thấy vậy lập tức lui quân. Về đến Chiêm Thành, La Khải – một tướng của Chế Bồng Nga, tự xưng vương. Hai người con trai của Chế Bồng Nga phải trốn sang Đại Việt. Đại Việt thừa thắng chiếm lại được các vùng đất phía nam (thuộc Quảng Bình,

Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam ngày nay).

Sau khi thắng trận, tháng 2/1390, vua ngự đến Long Hưng, Kiến Xương, Yên Sinh làm lễ bái yết các lăng. Triều đình thực hiện phong thưởng cho những người lập công và trị tội những người hàng giặc: “Lấy Trần Khát Chân làm Long tiếp bổng thần nội vệ Thượng tướng quân, phong tước Vũ tiết quan nội hầu, Phạm Khả Vĩnh (người tây Chân) làm Xa kỵ vệ thượng tướng quân, phong tước Quan phục hầu; Phạm Lạc và Dương Ngang thưởng tước 5 tư, thăng Lạc làm Giám Cấm vệ đô, cho Ngang 30 mẫu ruộng. Còn các người khác được thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau”; và “Xuống chiếu bắt bọn đảng giặc là Nguyên Đĩnh, Nguyễn Động, Nguyễn Doãn, Nguyễn Khang (*Cương mục* chép là Trần Khang); những người bị hiếp theo thì không trị. Nguyên Đĩnh và Trần Tôn đều nhảy xuống nước chết. Khang chạy sang nước Minh, nói dối là con cháu họ Trần, đổi tên là Thiêm Bình” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 208-209).

Sau khi Chế Bồng Nga mất, quân Chiêm Thành không còn tổ chức tấn công Đại Việt thêm lần nào nữa.

Mùa Xuân, tháng 2 (1391), Hồ Quý Ly đem quân đi tuần châu Hóa, xét định quân ngũ, sửa xây thành trì, ổn định tình hình ở châu Hóa.

3. NHẬN XÉT

1. Như vậy, từ năm 1361 đến 1391 giữa Chiêm Thành và Đại Việt đã có tới 15 lần xung đột quân sự. Quân

Chiêm Thành tấn công Đại Việt 11 lần⁽⁹⁾. Trong 5 trận đầu vào các năm 1361, 1362, 1365, 1366, 1368 quân Chiêm Thành chỉ đánh vào châu Hóa, tức biên giới Đại Việt - Chiêm Thành hoặc vùng ven biển và có 3 lần bị quân Đại Việt đánh tan (1361, 1362, 1366). Những lần tấn công sau, có 4 lần quân Chiêm Thành tiến thẳng vào kinh đô Thăng Long⁽¹⁰⁾. Trong đó, năm 1371 là lần tiến công gây thiệt hại nặng nhất. Quân Chiêm Thành đốt trụ cung điện, đồ thư, cướp của đem về nước. Và năm 1383 là lần quân Chiêm Thành ở lại kinh đô lâu nhất (vài tháng).

Về phía Đại Việt, vua tôi nhà Trần đã 4 lần xuất quân tiến đánh Chiêm Thành vào các năm 1367, 1376, 1381, 1383. Trong đó, 1 lần do các nhà sư mặc áo lính thực hiện vào năm 1381 nhưng không thấy sử chép kết quả ra sao. Ba lần còn lại đều thất bại (1367, 1376, 1383), trong đó lần thất bại nặng nề nhất là vào năm 1376, quân Đại Việt thua to và vua Trần Duệ Tông tử trận. Chỉ đến khi vua Chiêm – Chế Bồng Nga – người khởi xướng và chỉ huy các cuộc tấn công Đại Việt tử trận, thì xung đột giữa Đại Việt với Chiêm Thành mới chấm dứt.

2. Nguyên nhân của những cuộc chiến là do Chiêm Thành muốn tái chiếm những phần lãnh thổ đã từng dâng cho Đại Việt. Trước đó, như chúng ta đã biết, vua Chế Mân của Chiêm Thành đã dâng hai châu Ô, Lý làm sính lễ cưới công chúa Huyền Trân của Đại Việt. Năm 1307 vua Chế Mân qua đời, Chiêm Thành liên tục

tấn công Đại Việt, trong các năm 1311, 1312, 1317 - 1318, 1326 và 1353 nhằm lấy lại hai châu Ô, Lý nhưng không thành công. Vì vậy sau khi lên ngôi, Chế Bồng Nga tiếp tục cuộc chiến giành lại đất đai với Đại Việt.

3. Đất nước suy yếu là nguy cơ xâm lược của nước ngoài. Trong thế kỷ XIII đến nửa đầu thế kỷ XIV, khi Đại Việt ba lần đánh thắng Mông - Nguyên, có nhà vua anh minh và các tướng lĩnh quân đội tài giỏi, thì chính Hốt Tất Liệt cũng phải dạn dò: chớ thấy nước nhỏ mà coi thường. Nước Chiêm Thành lúc ấy thường xuyên triều cống, không dám quấy nhiễu. Nhưng từ 1360 trở đi, nhất là từ năm 1371, khi Đại Việt suy yếu, quân Chiêm Thành nhiều lần tấn công, có lúc vào tận Thăng Long, đốt phá, cướp bóc. Sử

thần Ngô Sĩ Liên nhận xét: “Không có nước đối địch làm mối lo ở ngoài thì nước thường mất, xưa nay vẫn răn về điều ấy. Chiêm Thành với nước ta là thế thù, triều Trần há chẳng biết thế mà phòng bị ư? Chỉ vì lòng người yên rồi sinh càn, pháp độ xếp bỏ, năm tháng đã lâu, việc giữ gìn bờ cõi mất đi cho nên thế. Giặc vào cõi mà biên thành không giữ được, giặc đến Kinh mà cấm binh không chống lại, còn gọi là nước thế nào được! Dụ Tôn chỉ quen vui chơi, cố nhiên không đáng kể, còn Nghệ Tôn đã trải qua biến cố mà không nghĩ đến việc ấy, há chẳng phải là chỉ tập văn nghệ mà không trông nom gì đến vũ lược ư?” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1971, tr. 179). Lời nhận xét của sử gia Ngô Sĩ Liên vẫn chí lý cho đến tận bây giờ. □

CHÚ THÍCH

(1) Vào các năm 1242, 1262, 1265, 1266, 1267, 1269, 1270, 1279, 1282, 1293, 1301, 1305, 1307, 1346, 1352. Cống phẩm của Chiêm Thành phần lớn là voi trắng, sư tử, ngoài ra còn có hoa bằng vàng, trân châu và các sản vật địa phương (Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971). Xem thêm: Nguyễn Thị Phương Chi - Nguyễn Tiến Dũng. *Về các mối giao thương của quốc gia Đại Việt thời Lý, Trần (thế kỷ XI-XV)*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 7-2007, tr. 23-37.

(2) *Đại Việt sử ký toàn thư* chép các sự kiện này như sau:

“Mùa thu, tháng 8 (1358), xuống chiếu khuyên các nhà giàu ở các lộ bỏ thóc ra chẩn cấp cho dân nghèo, quan tư sở tại tính xem số thóc đã quyên ra bao nhiêu trả lại bằng tiền” (tr. 162).

“Tháng 8 (1362)... Đói to, xuống chiếu các nhà giàu dâng thóc để phát chẩn cho dân nghèo, ban cho tước phẩm theo thứ bậc khác nhau” (tr. 165).

“Mùa thu, tháng 8 (1373), hạ lệnh cho quân và dân quyên thóc cho Nhà nước, thường cho tước phẩm theo thứ bậc khác nhau” (tr. 183).

“Mùa thu, tháng 8 (1375), xuống chiếu cho những người giàu ở các lộ đem dâng thóc, ban tước phẩm theo thứ bậc khác nhau” (tr. 184).

“Mùa thu, tháng 8 (1378), bấy giờ đương có việc dụng binh, kho tàng hết kiệt” (tr. 191).

(3) Đông Ngàn: nay là huyện Đông Anh, Hà Nội.

(4) Dương Nhật Lễ vốn là con của người phường chèo tên là Dương Khương, mẹ không rõ tên là gì nhưng hiệu là Vương mẫu (thường đóng vai Vương mẫu trong bản tuồng “Vương mẫu hiến bàn đào” nên gọi như vậy). Mẹ Nhật Lễ đang có thai nhưng Cung túc Đại vương Trần Nguyên Dục mê đắm sắc đẹp nên lấy làm vợ. Dương Nhật Lễ được Cung túc Đại

vương Dục (là con trưởng của vua Trần Minh Tông, anh của vua Trần Dụ Tông) nhận làm con. Khi vua Trần Dụ Tông băng hà, Dương Nhật Lễ được lập làm vua nhưng chưa đầy một năm rưỡi (từ ngày 25 tháng 5 năm Kỷ Dậu, tức 29/6/1369 đến ngày 13 tháng 11 năm Canh Tuất, tức 1/12/1370) thì bị phế làm Hôn Đức công, Trần Nghệ Tông lên ngôi vua.

⁽⁵⁾ Thiên sư (không rõ tên) ở Đại Than, nay thuộc xã Đại Than, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

⁽⁶⁾ Xem thêm: Phù Lang Trương Bá Quát. *Lịch sử cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*. Tạp san Sử-Địa, số 19-20, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn, 1970, tr. 86-87.

⁽⁷⁾ Sông Hải Triều tức sông Luộc. *An Nam chí* gọi là sông Phổ Đà, còn gọi là sông Đà Lỗ, ở phía Tây Bắc huyện Hưng Nhân, từ sông Hồng chia chảy về Đông, qua phía Bắc huyện Hưng Nhân, phía Nam huyện Tiên Lữ, qua sông Hải Triều gọi là cửa Hải Triều, hợp chảy xuống sông Nông.

⁽⁸⁾ Trận đánh này được *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, tr. 207-208 chép như sau: “Canh Ngọ (1390), mùa Xuân, tháng Giêng, ngày 23, đô tướng Trần Khát Chân đại thắng quân Chiêm Thành ở Hải Triều, giết được vua nước ấy là Chế Bồng Nga. Bấy giờ Bồng Nga cùng với Nguyên Diệu đem hơn 100 chiến thuyền đến xem tình hình của quan quân. Các thuyền khác chưa đến hội. Ba Lậu Kê là tiểu thần của Bồng Nga, bị Bồng Nga trách phạt sợ phải giết, chạy trốn sang quân ta, trở vào thuyền sơn lục bảo rằng đó là thuyền của Quốc vương. Khát Chân sai các súng đều bắn vào... Bồng Nga chết. Người trong thuyền kêu khóc ầm lên. Nguyên Diệu cất lấy đầu của Bồng Nga chạy về với quan quân. Đại đội phó Thương đồ quân Long Tiệp là Phạm Nhữ Lặc và đầu ngũ là Dương Ngang bèn giết Nguyên Diệu và lấy cả đầu Bồng Nga. Quân giặc chạy tan. Khát Chân sai quân giám là Lê Khắc Khiêm bỏ thủ cấp của Bồng Nga vào hòm chờ thuyền về báo tin thắng trận ở hành tại Bình Than. Bấy giờ đồng hồ đã điểm canh ba, Thương hoàng đương ngủ say, bị kinh động thức giấc, cho là giặc đã đánh đến ngự dinh. Đến khi nghe tin báo thắng trận nói rằng đã lấy được thủ cấp của Bồng Nga thì mừng lắm, cho gọi các quan đến xem. Các quan mặc triều phục hô “muôn năm”. Thương hoàng nói: “Ta với Bồng Nga cầm cự với nhau đã lâu, ngày nay mới được thấy mặt, khác gì Hán Cao Tổ thấy đầu Hạng Vũ. Thiên hạ yên rồi. La Ngai đem các quân còn lại đến phía trên bờ sông Lô làm hỏa táng cho Bồng Nga, rồi đêm ngày đi bộ men theo chân núi, gác đường sào mà nấu cơm ở trên, vừa đi vừa ăn, đem cả quân về...”

⁽⁹⁾ 11 lần vào các năm 1361, 1362, 1365, 1366, 1368, 1371, 1377, 1378, 1380, 1383, 1389.

⁽¹⁰⁾ 4 lần vào các năm 1371, 1377, 1378, 1383.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hồ Bạch Thảo (tuyển dịch). 2010. *Minh thực lục quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV - XVII*. Tập I. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
2. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê. 1971. *Đại Việt sử ký toàn thư* (Cao Huy Giu dịch), tập II. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Nguyễn Thị Phương Chi - Nguyễn Tiến Dũng. 2007. *Về các mối giao thương của quốc gia Đại Việt thời Lý, Trần (thế kỷ XI-XV)*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 7.
4. Phù Lang Trương Bá Quát. 1970. *Lịch sử cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*. Tạp san Sử - Địa, số 19-20. Sài Gòn: Nhà sách Khai trí.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1998. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Tập I. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
6. Trần Trọng Kim. 1971. *Việt Nam sử lược*. Quyển I. Bộ Giáo dục Trung tâm học hiệu xuất bản.